

Bản án số: 85/2026/HN&GD-ST

Ngày: 21/4/2026

V/v : *Ly hôn*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Đỗ Thị Hạnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Chi và bà Đồng Thị Mây

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà:**  
Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên

Ngày 21/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 430/2025/TLST-HN&GD ngày 27/11/2025 về việc: *Ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2026/QĐXX-ST ngày 23/3/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 55/2026/QĐST-HN&GD ngày 03/4/2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Thân Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030163006931 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1968

HKTT: Tổ dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường P, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030068018781 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021

(*Bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Thân Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thành phố Hải Phòng) vào năm 1991. Vợ chồng ông bà sau khi kết hôn về chung sống với bố mẹ đẻ bà là cụ Thân Văn C1 (chết năm 2009) và cụ Lê Thị P (chết năm 2002) tại Thôn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là Tổ

dân phố P, phường B, thành phố Hải Phòng). Ông bà khi về chung sống với nhau không được hạnh phúc do bất đồng trong quan điểm sống, không hợp nhau. Hơn nữa, bản thân ông C thường xuyên xúc phạm, chửi bới bà, bố mẹ bà và các anh em trong gia đình bà, đập phá đồ đạc trong nhà. Nguyên nhân dẫn đến việc đó chủ yếu do ông C là người nát rượu, bà đã khuyên ngăn ông nhiều lần nhưng ông không nghe, còn nói với bà là "thà ông bỏ vợ chứ không bỏ rượu". Hơn nữa, ông C còn đuổi đánh bà, thậm chí cầm dao đe dọa muốn giết bà, đuổi bà vòng quanh làng nên bà phải báo cho Phó thôn P lúc đó là ông Đào Duy B và Công an xã của thôn phải can thiệp, đỉnh điểm năm 2024 bà phát hiện ông C có mối quan hệ ngoài luồng nên ông bà đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tranh cãi lẫn nhau. Do vậy, ông C đã bỏ về ở với mẹ đẻ ông C là cụ Phạm Thị T ở Tổ dân phố T, phường P, thành phố Hải Phòng. Từ thời điểm đó đến nay, ông bà đã chính thức ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến nay bà nhận thấy bà và ông C không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1992 và cháu Phạm Văn T1, sinh ngày 18/4/1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông C và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố P xác định: Ông C, bà L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn sau đó về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ bà L từ thời điểm đó đến nay. Trong quá trình chung sống ông bà có nhiều mâu thuẫn, xảy ra nhiều lần xô xát nhau, đã từng báo địa phương để can thiệp. Ông C hay uống rượu nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay ông C không ở địa phương mà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ông ở T, phường P sinh sống. Ông bà có 02 con chung, hiện nay đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị T là mẹ đẻ ông C xác định: Ông C và bà L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà về chung sống tại nhà mẹ đẻ bà L. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Ông C đã bỏ về ở với bà được khoảng vài tháng nay và hiện đang ở cùng bà. Ông C đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông C nói với bà T nếu bà L kiên quyết ly hôn ông thì ông tôn trọng quyết định ly hôn của bà L, ông C không có ý kiến gì vì bản thân ông C không có biện pháp gì để trao đổi với bà L, thực tế vợ chồng đã ly thân

nhau khoảng 5 năm nay.

Tại phiên tòa: Bà L vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông C, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho bà Thân Thị L được ly hôn anh Phạm Văn C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1992 và cháu Phạm Văn T1, sinh ngày 18/4/1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Bà Thân Thị L thuộc người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Lương

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Bà L

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Thân Thị L yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn C nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Bị đơn ông C hiện đang cư trú tại Tổ dân phố T, phường P, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà L vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân Thị L và ông Phạm Văn C kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thành phố Hải Phòng) vào năm 1991 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của bà L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L, ông C do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm nhau, ông C không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu. Vợ chồng ly thân nhau từ nhiều năm nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Ông C cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với bà L, vắng mặt tại phiên hoà giải. Bà L vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với ông C. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Thân Thị L xin được ly hôn ông C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Ông C và bà L có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/11/1992 và cháu Phạm Văn T1, sinh ngày 18/4/1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông C không trình bày quan điểm. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Thân Thị L thuộc người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà L theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Thân Thị L được ly hôn ông Phạm Văn C.
2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà L.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bà L, ông C. Bà L, ông C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND phường Phạm Sư Mạnh, TP Hải Phòng.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hạnh**

